

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH HẬU GIANG
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG**



Tài liệu

**KỸ THUẬT TRỒNG
VÀ CHĂM SÓC QUÝT ĐƯỜNG**



NĂM 2017



MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
I. ĐẶC ĐIỂM SINH THÁI CÂY QUÝT ĐƯỜNG	2
1. Nhiệt độ	2
2. Đất đai	2
3. Nước.....	2
II. KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC	2
1. Thiết kế vườn.....	2
2. Kỹ thuật trồng.....	4
3. Kỹ thuật chăm sóc.....	4
4. Một số sâu, bệnh hại chính và biện pháp quản lý.....	7
5. Một số lưu ý trong kỹ thuật trồng và chăm sóc quýt đường....	14
III. THU HOẠCH, SƠ CHẾ, BẢO QUẢN VÀ HẠCH TOÁN KINH TẾ	15
1. Thu hoạch, sơ chế, bảo quản.....	15
2. Hạch toán kinh tế.....	15
<i>Tài liệu tham khảo</i>	

MỞ ĐẦU

Quýt đường được cho là loại quả giàu dinh dưỡng tốt cho sức khỏe. Không những múi quýt tốt mà vỏ quýt cũng được sử dụng làm thuốc trong đông y. Đây cũng là món được dùng tráng miệng sau mỗi bữa cơm.

Ngoài ra, quýt đường giàu kali, canxi, nhiều vitamin A và beta caroten. Hơn nữa, các thành phần dinh dưỡng trong quýt còn giúp chống lại sự phá vỡ acid uric trong máu. Các loại acid hữu cơ và vitamin trong quýt điều hòa chức năng trao đổi chất trong cơ thể đặc biệt là người già mắc bệnh tim.

Tập trung chủ yếu trên các địa bàn huyện Long Mỹ, Phụng Hiệp và một số địa bàn khác trong tỉnh như TX. Ngã Bảy, Châu Thành, Châu Thành A,...

Nhằm thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ loại trái cây đặc sản này, thời gian qua tại thị xã Long Mỹ đã thành lập Hợp tác xã Quýt đường Long Trị chuyên sản xuất quýt đường.

Tài liệu này nhằm cung cấp một số thông tin về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây quýt đường. Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sơ xuất, kính mong quý bạn đọc thông cảm và góp ý.

NHÓM BIÊN SOẠN

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC QUÝT ĐƯỜNG

I. ĐẶC ĐIỂM SINH THÁI CÂY QUÝT ĐƯỜNG

1. Nhiệt độ

Quýt đường có thể sinh trưởng và phát triển ở 13°C - 39°C, thích hợp nhất từ 23°C - 29°C, ngừng sinh trưởng dưới 13°C và chết ở thời điểm âm 5°C.

2. Đất đai

Đất trồng quýt đường phải có tầng canh tác dày 0,5 - 1m. Đất thịt pha, thông thoáng, thoát nước tốt, màu mỡ, độ pH từ 5 - 7 là thích hợp.

3. Nước

Cây quýt đường có nhu cầu về nước rất lớn, nhất là trong thời kỳ cây ra hoa và phát triển trái. Mặt khác, cây quýt đường cũng rất mẫn cảm với điều kiện ngập nước, là loại cây chịu úng kém.

II. KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC

1. Thiết kế vườn

1.1. Kích thước liếp

Tỷ lệ mương/liếp thường là 1/2, có nghĩa là mương rộng 1 liếp rộng gấp đôi. Thường bề mặt liếp đơn rộng 4 - 5m và liếp đôi rộng 9 - 10m. Lưu ý là vách bên của mương, mặt bên của liếp luôn luôn phải có độ nghiêng 30 - 45° để tránh sụp lở.

1.2. Hướng liếp

Xây dựng theo hướng Đông Bắc - Tây Nam để cây hưởng được nhiều ánh sáng.

1.3. Kỹ thuật lên liếp

Những vùng có lớp đất mặt tốt và lớp đất dưới khá tốt thì kỹ thuật lên liếp theo lối “cuốn chiếu” được áp dụng nhiều nhất (Hình 1).

Lên liếp theo lối đắp mô: vùng có lớp đất mặt mỏng nhưng lớp đất dưới lại không tốt, thậm chí có chút ít phèn thì kiểu lên liếp đắp mô thường được sử dụng (Hình 2).



Hình 1: Lên liếp theo kiểu cuốn chiếu



Hình 2: Lên liếp theo kiểu đắp mô

1.4. Trồng cây chắn gió

Cây quýt thích hợp ánh sáng tán xạ, do đó phải trồng cây che mát như các loại cây mãng cầu xiêm, so đũa, trà... Đồng thời trồng cây chắn gió như dừa, xoài, các loại cây lấy gỗ trên bờ bao... để hạn chế sự thiệt hại do gió bão, sự lây lan của côn trùng (nhất là rầy chổng cánh) và mầm bệnh.

1.5. Kỹ thuật đắp mô

Đất làm mô có thể từ đất mặt ruộng, đất bãi bồi ven sông, mô trồng cao khoảng 20 - 40 cm và đường kính ban đầu là 60 - 80 cm. Trước khi trồng nên trộn đất mặt với phân hữu cơ (2:1) và phân lân (0,5 - 1 kg) phân vào mô.

2. Kỹ thuật trồng

2.1. Thời vụ trồng

Cây có múi thường được trồng vào đầu mùa mưa để đỡ công tưới, tuy nhiên cũng có thể trồng được quanh năm nếu chủ động nguồn nước tưới.

2.2. Chọn giống

Chọn cây giống biết rõ nguồn gốc, bố mẹ có phẩm chất tốt và những nơi có uy tín.

2.3. Mật độ trồng

Khoảng cách trồng 2,5 x 3m hoặc 3 x 3m, với số lượng từ 110 - 130 cây/1000m².

2.4. Cách trồng

Móc lỗ mô, sâu hơn bầu cây 10 cm, bón 20g DAP, lấp đất phân dày 10 cm, tháo bỏ vật liệu bó bầu cây con, đặt cây vào lỗ, mặt bầu ngang mặt mô. Dùng đất phân ém chặt, đầy mô, tưới nước đảm bảo độ ẩm.

3. Kỹ thuật chăm sóc

3.1. Tưới nước

Quýt rất mẫn cảm với nước, vì vậy cần để mực nước trong mương cách mặt liếp 50 - 80 cm. Trong mùa nắng nên để nước vô ra tự nhiên để rửa phèn và tích tụ phù sa và có thể tưới khoảng hai, ba ngày một lần để thường xuyên đảm bảo đủ độ ẩm cho cây. Để tiết kiệm lượng nước chúng ta lắp hệ thống tưới phun tự động.



Hình 3: Hệ thống tưới tự động

3.2. Quản lý cỏ dại

Giúp đất thông thoáng: chống hiện tượng đóng váng, bộ rễ cỏ khi chết tạo đường dẫn, tăng mật số của trùn đất, cung cấp phân hữu cơ.

Quản lý không cho cỏ quá cao, cắt chừa gốc khoảng 3 - 5 cm.



Hình 4: Quản lý cỏ trong vườn

Làm cỏ sạch chung quanh gốc, chú ý chăm sóc, bón phân thích hợp cho cỏ. Một số loại cỏ có thể trồng trong vườn như: cỏ rau trai, cỏ lá tre, rau lang hoặc các cây họ đậu.

3.3. Tỉa cành, tạo tán

Mục đích: tạo thân cành phân bố hợp lý, tận dụng được không gian, dưỡng chất, hạn chế sâu bệnh, dễ chăm sóc và điều khiển cây.

Cách làm: Tạo cho cây có dạng hình bán cầu. Cắt làm sớm khi cây còn nhỏ. Thời điểm cắt: lá già, tỉa chừa 3 cành đều nhất, tốt nhất, ở các mắt lá cách xa nhau, phân bố đều ra chung quanh.

Lưu ý: Tiến hành cắt trong suốt thời gian trồng, nhất là sau khi thu hoạch trái. Cành cần cắt bỏ: cành vượt, cành sâu bệnh, cành khô già, dập gãy, cành nhỏ, yếu không có khả năng cho trái.

3.4. Tủ gốc giữ ẩm

Đa số rễ hấp thu dinh dưỡng của quýt mọc cạn, nhiệt độ của đất vào mùa nắng cao, ảnh hưởng đến bộ rễ, do đó cần phải tủ gốc giữ ẩm bằng rơm rạ (cách gốc 20cm), biện pháp này cũng tránh cỏ dại phát triển, khi cây quýt còn tơ có thể trồng xen hoa màu (bắp, đậu, khoai,...).

3.5. Phân bón và cách bón phân

Hàng năm cần phải bón phân hữu cơ hoai mục cho vườn cây từ 3 - 5 tấn/ha.

Khi cây quýt còn tơ (năm I, II) có thể dùng urê pha nước để tưới 20 - 40g urê/8 lít nước/gốc/tháng và cây phát triển mạnh khoảng 3 tháng tưới một lần.

Bảng khuyến cáo bón phân cho quýt thời kỳ cho trái

Năm tuổi	Urê (g/cây/năm)	Lân nung chảy (g/cây/năm)	KCl (g/cây/năm)
3	200	500	50
4	450	1000	170
5	900	1500	250

Đối với cây trên 5 năm tuổi phân bón cho quýt trên những vườn thâm canh cao: từ 0,8 - 2 kg urê, 1,3 - 3 kg lân nung chảy, 0,15 - 0,4 kg KCl/cây/năm.

Chú ý bón phân vào các thời kỳ sau:

- + Sau thu hoạch (bón phục hồi) 1/5 urê + 2/5 lân.
- + Sau khi xiết nước (tưới trở lại) 1/5 urê + 1/5 lân + 1/5 kali.
- + Sau khi trái đậu 1/5 urê + 1/5 lân + 1/5 kali.
- + Giai đoạn trái phát triển nhanh (khoảng 4 tháng sau khi đậu trái) 2/5 urê + 1/5 lân.
- + Một tháng trước thu hoạch 3/5 kali.
- + Hàng năm nên bón phân hữu cơ với liều lượng từ 5 - 10 kg/cây vào giai đoạn sau thu hoạch (bón phục hồi cây) giúp cho cây phát triển bền vững.

Cách bón: Dựa theo chiều cao của tán cây mà cuốc rãnh xung quanh gốc sâu 10 - 20 cm, rộng 20 - 30 cm, cho phân vào, lấp đất lại và tưới nước.

Khi cây giao tán nên dùng cuốc xúc nhẹ lớp đất xung quanh cây theo hình chiếu của tán, và phải cách gốc 50 cm. Hoặc có thể rải phân thẳng lên mặt liếp, tốt nhất là tưới ẩm liếp trước, sau đó mới bón phân.

3.6. Xử lý ra hoa

Hiện nay, ngoài biện pháp xiết nước để xử lý ra hoa chúng ta chưa có biện pháp nào hữu hiệu hơn, tuy nhiên có nhiều bất lợi là tuổi thọ có thể giảm. Vì vậy, để kéo dài thời kỳ kinh doanh của cây quýt, chúng tôi khuyến cáo thời gian xiết nước không nên quá 20 ngày.

+ **Ưu điểm của xiết nước:** Cây ra hoa đồng loạt, thuận lợi trong việc chăm sóc, bón phân, thu hoạch và tổng thu nhập kinh tế cao.

+ **Nhược điểm:** Bộ rễ có khuynh hướng ăn sâu trong thời gian không tưới nước, cây mau già cỗi và khi mùa lũ quản lý nước không tốt cây dễ bị thối rễ.

+ **Cách thực hiện:** Thời gian xiết nước kéo dài khoảng 3 tuần đến khi thấy lá hơi héo thì cho nước vào mương cách mặt đất 20 - 30 cm trong 12 giờ, sau đó rút nước ra còn cách mặt liếp 50 - 60 cm để không làm rễ cây bị thiệt hại gây mất sức cho cây.

Tưới nước, bón phân đầy đủ thúc cây sớm ra đọt và nụ hoa. Nếu dùng thêm KNO_3 0,5 - 1%, thời gian xiết nước sẽ rút ngắn hơn.

* **Lưu ý:** Chỉ nên xiết nước đối với vườn cây trên 3 năm tuổi.

4. Một số sâu, bệnh hại chính và biện pháp quản lý

4.1 Rầy chống cánh

a. Đặc điểm sinh học



Hình 5: Rầy trưởng thành và trứng

Rầy trưởng thành rất nhỏ dài từ 2,5 - 3 mm, có cánh dài, màu xám đen với vệt trắng lớn chạy từ đầu đến cuối cánh, lúc đậu

cánh và bụng nhô cao hơn khỏi đầu hợp với cành một góc 45° , để
trở thành từng nhóm trên đọt non.

b. Đặc điểm gây hại và triệu chứng



Hình 6: Triệu chứng rầy gây hại (Greening)

Cả rầy non và rầy trưởng thành tập trung chích hút nhựa của
chồi, lá, làm chồi ngọn bị khô héo, các lá phía dưới bị vàng và
quăn queo.

Ngoài ra, rầy gây hại trực tiếp như trên, rầy còn truyền vi
khuẩn gây bệnh vàng lá gân xanh (Greening).

Ký chủ rầy chống cánh ngoài nhóm cây có múi, ký chủ khác
là cây nguyệt quế.

c. Biện pháp quản lý

Lựa chọn giống ở những nơi có uy tín, không nên mua cây trôi
nổi nguy cơ cây có chứa mầm bệnh cao.

Loại bỏ nguồn bệnh ra khỏi vườn. Trước khi chặt bỏ, phải phun
thuốc diệt rầy, không cho chúng bay sang những cây khác.

Nên cắt tỉa cành, điều khiển các đọt ra đọt, lá non tập trung để
dễ theo dõi, phát hiện và phun thuốc trừ rầy kịp thời.

Trồng cây chắn gió xung quanh vườn để hạn chế sự tái xâm nhiễm của rầy chống cánh từ nơi khác đến.

Trồng xen cây ổi với khoảng cách 2,5 x 2,5m hoặc 3 x 3m, trồng ổi trước 6 tháng và sau đó trồng quýt.

Nuôi kiến vàng, tạo điều kiện cho thiên địch phát triển.

Chỉ sử dụng thuốc sâu khi thật cần thiết, có thể dùng các loại thuốc trong danh mục được phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

4.2. Rầy mềm

a. Đặc điểm sinh học



Hình 7: Ấu trùng và trưởng thành rầy gây hại

Rầy trưởng thành có hai dạng

- Dạng có cánh: chân và râu đầu màu vàng nâu hơi nhạt. Cơ thể dài từ 1,44 - 1,80 mm.
- Dạng không cánh: cơ thể dài từ 1,70 - 1,80 mm, màu nâu đỏ.
- Rầy sống thành quần thể, tập trung trên lá, cành non.

b. Đặc điểm gây hại và triệu chứng

Cả ấu trùng và thành trùng đều gây hại bằng cách chích hút nhựa lá và cành non làm giảm khả năng tăng trưởng của cây; lá non bị cong và biến dạng. Đồng thời sự gây hại của rầy mềm cũng làm cho trái bị chín sớm và giảm phẩm chất, phân do rầy mềm thải ra có chứa đường sẽ thu hút nấm đen tới đóng trên thân hay

lá sẽ làm giảm khả năng quang hợp của cây. Ngoài ra rầy còn truyền bệnh Tristeza trên cây có múi.

c. Biện pháp quản lý

Biện pháp canh tác: Dùng vòi phun có áp lực mạnh phun trực tiếp lên đọt, trái có rầy mềm.

Biện pháp sinh học: Bảo tồn thiên địch như bọ rùa, ruồi và các loài ong ký sinh khác nhau. Các loài này có thể khống chế đến 95% mật số rầy mềm trong điều kiện tự nhiên.

Biện pháp hóa học: Sử dụng thuốc trong danh mục được phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

4.3. Bệnh vàng lá gân xanh

a. Tác nhân: Do vi khuẩn *Liberobacter asiaticum*

b. Điều kiện phát sinh

Phát triển quanh năm, nhất là giai đoạn ra lá non.

Có 3 con đường lan truyền:

- Do rầy chổng cánh lan truyền qua tuyến nước bọt.
- Qua cây giống nhiễm bệnh.
- Qua các dụng cụ chiết ghép, cắt tỉa cành trên những cây nhiễm bệnh.

c. Triệu chứng

Bệnh nặng các lá nhỏ lại, mọc thẳng đứng (lá tai thỏ) và chỉ còn lại một ít gân còn xanh (chủ yếu là gân chính), cả cây đều thể hiện triệu chứng, có một vài cành bị chết khô, sau



Hình 8: Triệu chứng trên trái và lá

đó chết cả cây. Trái nhỏ, méo mó, chai, không phát triển, tâm trái khi chẻ dọc thấy lệch, hạt bị thui đen.

d. Biện pháp quản lý

Lựa chọn cây giống được trồng phải là cây sạch bệnh.

Kỹ thuật canh tác hợp lý sẽ làm cho cây khỏe mạnh, do đó cần chú ý bón phân hợp lý, mật độ gieo trồng thích hợp.

Bảo vệ và phát triển thiên địch của rầy chống cánh như các loài ong ký sinh, kiến vàng, bọ rùa... nếu mật độ các thiên địch trong vườn cao sẽ làm giảm mật độ của rầy chống cánh. Ngoài ra có thể trồng ổi để xua đuổi rầy chống cánh.

Tỉa cành để các đợt đợt non ra tập trung để phun thuốc phòng trừ rầy chống cánh.

Dùng thuốc diệt rầy chống cánh tránh lan truyền bệnh chú ý giai đoạn cây ra đợt non.

4.4. Bệnh vàng lá thối rễ

a. Tác nhân: do nấm *Fusarium*

b. Điều kiện phát sinh

Bệnh vàng lá thối rễ gây hại nặng chủ yếu vào mùa mưa, ở những vùng đất bị ngập nước, thoát nước kém. Đất bị ngập nước thì rễ cây sẽ bị thiếu oxy, làm rễ suy yếu.

Bệnh thường phát triển thành dịch vào đầu mùa nắng, tháng 11 & 12 dl hằng năm. Cây chết hàng loạt vào tháng 1 đến tháng 4 dl và có thể tiếp tục kéo dài trong mùa mưa năm sau.

Các vườn cây bệnh và chết đều là những vườn không được bón phân hữu cơ mà chỉ được bón phân hóa học.

c. Triệu chứng

Triệu chứng đầu tiên là lá chuyển màu vàng, dễ rụng khi bị lay nhẹ.

Các lá già rụng trước sau đó đến các lá trên. Lúc đầu chỉ có vài nhánh biểu hiện lá vàng, cây vẫn sống nhưng ở phần rễ cây



Hình 9: Triệu chứng vàng lá



Hình 10: Rễ bị hút thối

thì bị thối, vỏ rễ tuột khỏi phần gỗ, bên trong có sợi nâu lan dần vào rễ cái.

Khi bệnh nặng tất cả các rễ đều bị thối và cây chết.

d. Biện pháp quản lý

Trồng cây nơi đất cao thoát nước tốt, nếu vùng đất thấp phải làm bờ bao.

Cần rải vôi trước khi trồng để loại trừ nấm có trong đất.

Hàng năm nên cung cấp thêm vôi xung quanh, quét vôi vào gốc cây trên 50 cm vào cuối mùa nắng.

Xới nhẹ xung quanh gốc và tưới thuốc trừ nấm bệnh.

Khi phát hiện bệnh sớm thì cắt bỏ rễ bị thối và bôi thuốc vào vết cắt.

Dùng kết hợp nấm đối kháng *Trichoderma* ủ với phân chuồng hoai mục bón hàng năm nhằm tạo tơ xốp cho đất, hạn chế bệnh sẽ hiệu quả hơn.

Bón thêm phân kali, lân làm tăng khả năng đề kháng của rễ cây đối với bệnh.

Đối với cây mới chớm bệnh nên sử dụng một trong các loại thuốc đặc trị trong danh mục được phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

4.5. Bệnh *Tristeza*

a. Tác nhân: do virus *Tristeza* làm hỏng mạch dẫn nhựa.

b. Điều kiện phát sinh

Do côn trùng trung gian truyền bệnh là rầy mềm. Lan truyền qua cây giống ghép, chiết. Qua dụng cụ ghép chiết, cắt tỉa (dao, kéo...).

c. Triệu chứng

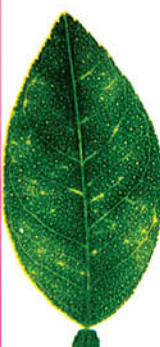
Rụng lá chết đột, lùn cây và làm cho bộ rễ bị thoái hóa, vàng đít trái. Bệnh gây hại nặng trên chanh giấy, cam mật, hạnh, gây thiệt hại khá nặng trên quýt đường và chanh tàu.

Virus gây hại gồm có các triệu chứng đặc trưng sau: Gân trong, gân cong, gân lồi, lốm thân.

Cây bị nhiễm bệnh thường lùn, còi cọc, phát triển kém, lá hơi vàng ở rìa lá và nhỏ. Quan sát kỹ ở lá bánh tẻ thường thấy có những đoạn trong suốt (gân trong), sưng lên, lá dày, mặt lá sần sùi, cây còi cọc hoặc thân bị lốm trên cành già.



Hình 11: Gân lá bị lồi



Hình 12: Gân trong



Hình 13: Cây bị lốm thân

d. Biện pháp quản lý

Không sử dụng các cây bị nghi ngờ bệnh làm giống. Sản xuất và trồng cây giống sạch bệnh. Diệt côn trùng môi giới là rầy mềm. Khử trùng dụng cụ khi chiết ghép, tỉa cành. Loại bỏ những cây bị bệnh và tiêu hủy để tránh lây lan.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC SÂU, BỆNH HẠI KHÁC



Hình 14: Sâu vẽ bùa gây hại



Hình 15: Nhện đỏ và triệu chứng



Hình 16: Lá bị ghẻ nám



Hình 17: Rệp sáp gây hại



Hình 18: Lá bị ghẻ loét

5. Một số lưu ý trong kỹ thuật trồng và chăm sóc quýt đường

5.1. Bảo vệ môi trường

Ưu tiên sử dụng các biện pháp canh tác, biện pháp sinh học, sinh thái để hạn chế và ngăn ngừa sâu, bệnh xảy ra.

Khi sử dụng thuốc hóa học, phải tuân theo nguyên tắc “4 đúng” (đúng thuốc; đúng nồng độ, liều lượng; đúng lúc và đúng cách).

5.2. An toàn vệ sinh thực phẩm

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc xuất xứ và được phép sử dụng theo danh mục thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

Đảm bảo thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch.

III. THU HOẠCH, SƠ CHẾ, BẢO QUẢN VÀ HẠCH TOÁN KINH TẾ

1. Thu hoạch, sơ chế và bảo quản

Quýt từ khi ra hoa đến thu hoạch khoảng 8 - 10 tháng, tùy theo giống, phương pháp nhân giống, tuổi cây, tình trạng sinh trưởng,... thời gian thu hoạch phải có nắng khô ráo, không nên thu trái sau mưa hoặc có mù sương nhiều vì trái dễ bị ẩm thối. Trái thu xong cần để nơi thoáng mát, không nên tồn trữ quá 15 ngày sẽ giảm giá trị thương phẩm.

2. Hạch toán kinh tế

- * Thời kỳ kiến thiết cơ bản: chỉ có bỏ chi phí chưa có thu nhập.
- Tổng chi phí gồm: công lên liếp, giống, phân bón, thuốc BVTV, các chi phí khác.
- * Thời kỳ kinh doanh:
 - Tổng chi phí gồm: phân bón, thuốc BVTV, công chăm sóc, các chi phí khác.
 - Thu nhập: năng suất trái x giá bán
 - Lợi nhuận: Thu nhập - Tổng chi phí

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Theo, Nguyễn Bảo Vệ và Võ Công Thành, 2005. Điều tra hiện trạng kỹ thuật canh tác bưởi năm roi huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Trong: Hội thảo quốc gia “Cây có múi, xoài và khóm”. Nhà xuất bản Nông nghiệp, TP. Hồ Chí Minh.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2011. Giáo trình dạy nghề: Trồng cây có múi.

MẪU HƯỚNG DẪN BẢNG HẠCH TOÁN KINH TẾ

TT	Diễn giải	DVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
I	Tổng chi = (1) +(2)+...+(7)				
1	Cây giống				
2	Công thuê lên liếp				
3	Phân bón				
3.1	Phân hữu cơ				
3.2	Phân lân				
3.3	Phân urê				
3.4	Phân kali				
3.5	Các loại phân khác				
4	Thuốc BVTV				
5	Công chăm sóc				
6	Các chi phí khác				
7	Lãi vay ngân hàng				
II	Tổng thu = (1) x (2)				
1	Năng suất trái thu được				
2	Giá bán				
III	Lợi nhuận = Tổng thu - Tổng chi				

Giấy phép xuất bản số: 100/GP-STTTT do Sở Thông tin & Truyền thông tỉnh Hậu Giang cấp ngày 13/10/2017. Số lượng: 428 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm. In tại Công ty TNHH TM & DV In Hậu Giang, Lô 12, cụm CN - TTCN, P.7, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2017.



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ths. Võ Xuân Tân - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông

Biên soạn, chỉnh sửa bản thảo:

Ks. Lê Châu Tứ

Ks. Nguyễn Kim Trang

Ks. Lê Minh Tân

Thông tin liên hệ:

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Số 05, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, KV4, P.5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 02933. 878 873 Fax: 02933. 870 507

Email: tfknhaugiang@gmail.com

Website: www.khuyenronghaugiang.com.vn